

NHỮNG KHÍA CẠNH TIÊU CỰC VÀ TÍCH CỰC CỦA HẦU BÓNG QUA CÁI NHÌN CỦA BÁO CHÍ VÀ NHÂN HỌC

KIRSTEN W. ENDRES
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Giới thiệu

Đạo thờ Mẫu, ngày nay ở Việt Nam còn được gọi là Đạo Mẫu, là một tín ngưỡng bản địa có nguồn gốc lâu đời ở Việt Nam. Trải qua nhiều thế kỷ, Đạo Mẫu kết hợp những ảnh hưởng từ Đạo Phật, Đạo giáo và Nho giáo tạo thành một hệ thống tín ngưỡng phức tạp, còn được gọi là Đạo Tứ Phủ. Ở đây chúng tôi chỉ có thể giới thiệu một cách sơ đẳng nhất về cấu trúc cơ bản của đạo. Hệ thống thờ cúng của đạo bao gồm bốn phủ: thiên phủ, địa phủ, thủy phủ và nhạc phủ, do Đức Thánh Mẫu cai quản. Tương ứng với các phủ này là các nam thần và nữ thần được xếp theo thứ bậc. Đó là các quan lớn, các chúa bà, các ông hoàng, các cô và các cậu (Ngô Đức Thịnh 1996, 2003; Nguyễn Thị Hiền 2002, Vũ Anh T. Vũ 2006, Fjelstad - Nguyễn Thị Hiền 2006).

Do Đạo Mẫu là sự truyền miệng dân gian nên tư tưởng và tín ngưỡng của đạo được truyền tải một cách hiệu quả qua việc thực hành nghi lễ (Vũ Anh T. Vũ 2006: 36). Nghi thức nổi bật nhất của đạo được gọi là lên đồng, hầu bóng, hầu thánh hay đồng bóng. Trong khi hầu bóng, các vị thánh được mời ngự và nhập vào người hầu đồng theo một thứ tự cụ thể. Các cung văn hát lời ca tụng về các vị thánh bằng những bản văn được phổ từ thơ (Ngô Đức Thịnh 1991, Norton 2000). Những phép tắc cơ bản về việc thực hành đúng nghi thức dựa trên cấp bậc của các vị

thánh cũng như sự tích và những tính cách nổi bật của từng người.

Tuy nhiên, nghi lễ hầu thánh/hầu bóng không phải lúc nào cũng được các nhà nước công nhận. Chẳng hạn, luật Gia Long đã nghiêm cấm các hoạt động, nghi lễ bị coi là không thuộc văn hóa của Nho giáo (Thien Do 2003: 98). Trong nhiều thập niên trước đây, chính quyền cách mạng cũng đề ra một chiến dịch nghiêm cấm việc thờ cúng các thế lực siêu nhiên để giải tỏa những nỗi buồn, sự lo âu của con người. Ở thời gian đó, việc hầu bóng thường phải tổ chức một cách bí mật (Malarney 2002; Endres 2002). Tuy nhiên, những thời kỳ thịnh vượng về kinh tế và cởi mở về chính trị được xem là mảnh đất màu mỡ cho sự “phú quý sinh lễ nghĩa” nói chung và việc hầu thánh nói riêng. Điều này đúng với thời kỳ Pháp thuộc 1930-1940 cũng như thời kỳ sau Đổi Mới hiện nay.

Ở cả hai giai đoạn này, các học giả và trí thức thường nhìn nhận vấn đề thịnh hành của việc lên đồng với các quan điểm khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi muốn phân tích và so sánh thái độ của giới học giả thời Pháp thuộc và các nhà báo, nhà nghiên cứu đương đại đối với nghi lễ hầu bóng. Đồng thời, chúng tôi sẽ đưa ra những đánh giá đối với quan điểm của họ thông qua những phát hiện trong nghiên cứu của chúng tôi gần đây về đồng bóng ở Hà Nội hiện nay.

Một truyền thống được trải nghiệm

Từ khi nền kinh tế thuộc địa phát đạt vào đầu thế kỷ 20 cho đến cuối cuộc chiến tranh Đông Dương, nghi thức lên đồng trở nên thịnh hành và trở thành “phong trào đồng bóng” trong tầng lớp giới nữ tư sản mới (Nhất Lang 1952: 3; Durand 1959). Nhà nghiên cứu văn hoá Nguyễn Văn Huyền (1995 [1945]: 256) khẳng định rằng “ở các đền thờ thánh mẫu ở Hà Nội, có một hiện tượng phổ biến là chi phí cho lễ mở phủ trình đồng trở nên quá cao so với thu nhập của người dân bình thường”. Trong tiểu thuyết “Hầu Thánh” (1942, tái bản năm 1990), tác giả Lộng Chương vẽ lên một bức tranh về đồng bóng Hà Nội cuối thời Pháp thuộc như một thế giới của các bà giàu có (vợ các quan lại, mẹ Tây và thương nhân), ganh đua nhau về danh tiếng trong giới con nhà thánh trong việc chi tiêu hào phóng cho các công việc lễ bái của mình. Nhân vật chính của chuyện, bà Hàn Sinh, đã tiêu hết cơ ngơi của mình vào các hoạt động lễ bái và từ bỏ gia đình, chồng con, kết thúc những năm tháng cuối đời với một cung văn nghiệm ngập trong một ngôi đền nhỏ của Hà Nội.

Một loạt các phóng sự tiểu thuyết của nhà văn Nhất Lang cũng được xuất bản trong cuốn “Đồng bóng”, qua đó tác giả cho rằng việc lên đồng chỉ bao hàm những khía cạnh tiêu cực. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh đến việc các đồng thầy thường làm những việc “buôn thần bán thánh”, xúi giục những người không may mắn, tuyệt vọng làm những nghi lễ tốn kém mà theo tác giả thì chẳng mang lợi ích gì ngoài việc khiến cho những tín đồ mê muội đó lâm vào cảnh nợ nần chồng chất và càng

trở nên tuyệt vọng hơn. Hơn nữa, nhiều nhân vật của Lộng Chương và Nhất Lang cũng được miêu tả là những người không có đạo đức. Ngoài việc ganh đua với nhau về các lễ cúng, các ván hầu sang trọng và khăn áo đắt tiền, các bà đồng thường bỏ bê gia đình, vung phí tiền bạc vào cờ bạc và lừa lọc nhau bất cứ lúc nào.

Thực tế cho thấy nhiều nhà văn thường có cảm hứng trong việc phản ánh một cách nhạo báng, duy lý về sự thịnh hành của việc lên đồng, ám chỉ thái độ hạ mình của giới trí thức có học mới ở đô thị Việt Nam đối với sự thực hành tín ngưỡng dân gian và việc tiêu tiền cho việc lễ bái một cách quá đáng (Phan Kế Bính 1995 [1915]; Ngô Tất Tố 1977). Quan điểm phê phán của họ về các nghi lễ như đồng bóng cho đến nay có thể được xem như là một quá trình đặt “truyền thống lên trải nghiệm, xem xét”, đánh giá những truyền thống một cách tiêu cực và xem chúng là lỗi thời, không xứng với nhu cầu của thế giới hiện đại (Marr 1981). Tuy nhiên, một số quan điểm này cũng trực tiếp chỉ trích sự không đúng lúc đúng chỗ của việc thực hành nghi thức này như là sự hiện đại lệch lạc. Đó là sự phê trương một cách thô thiển và đôi khi là những ảnh hưởng lệch lạc của các một đương thời. Trong một ký sự của mình, Nhất Lang đã liên hệ đến câu chuyện về một đồng thầy có ý tưởng để Cô Bé chơi bóng bàn trong lễ lên đồng của mình. Trong Đạo Mẫu, Cô Bé là người có tính cách rất nghịch ngợm nên nhân vật đồng thầy trong tác phẩm của Nhất Lang đã nghĩ rằng trò chơi đánh bóng rất phù hợp với cô.

Sau cách mạng, việc lên đồng được đánh giá là tâm điểm của “mê tín dị đoan”, một

khái niệm xem tất cả các tín ngưỡng, nghi lễ là phi lý và có hại tới nền văn hoá xã hội chủ nghĩa mới. Những người thực hành nghi lễ như thầy cúng, ông bà đồng... bị coi là "những người trục lợi, những kẻ ăn chặn, dựa vào sự mê tín của người khác để thu lợi riêng cho mình" (Malarney 2002: 83). Tuy nhiên, sau công cuộc Đổi Mới, một thực tế đang diễn ra rằng "cánh rừng rậm rạp của tôn giáo Việt Nam" (Cadière 1958: 1) không bị tàn lụi đi trong cuộc chiến chống mê tín dị đoan mà một số tín ngưỡng tôn giáo "truyền thống" còn trở thành những nhân tố có giá trị trong nền văn hoá và bản sắc dân tộc (Endres 2002).

Hướng tới sự xem xét lại về nghi lễ lên đồng

Những nỗ lực lớn nhất về mặt học thuật trong việc đánh giá lại về việc lên đồng được thực hiện bởi Ngô Đức Thịnh (Ngô Đức Thịnh 2004). Về cơ bản, ông khẳng định Đạo Mẫu là một hệ thống tín ngưỡng bản địa lâu đời với "những đặc tính của một loại hình sân khấu dân gian mang tính tâm linh hay là sân khấu tâm linh" (Ngô Đức Thịnh 1996: 82). Các nhà nghiên cứu khác lại cho rằng hầu bóng là "một sinh hoạt tâm linh mang tính trị liệu", có "khả năng giải toả những nỗi khổ đau của con người thông qua các biện pháp có tính tâm lý - biểu tượng" (Nguyễn Kim Hiền 2001: 69); hay là một loại hình văn hoá dân gian có sử dụng các kỹ thuật sân khấu để cấu tạo và tái cấu tạo nên văn hoá và tín ngưỡng Việt (Nguyễn Thị Hiền 2002: 19; Ngô Đức Thịnh 1999). Nhà văn hoá học Frank Proschan (2001: 68) còn cho rằng "hình thức biểu diễn văn hoá" của lên đồng chính là những nguồn tư liệu quý

đối với các nhà Folklore và nhân học về quan niệm của người Việt Nam về lịch sử, các di sản văn hoá cũng như những vấn đề về giới và bản sắc tộc người của họ.

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam thậm chí còn dành riêng một gian trưng bày về lễ lên đồng ở ngay cửa ra vào của bảo tàng. Lời giới thiệu trưng bày giải thích rằng lễ lên đồng là một sự giao tiếp, đối thoại giữa con người và thần linh, giúp con người tìm thấy sự cân bằng và thăng hoa tinh thần mà họ không có được trong thế giới thực tại.

Cho dù những nỗ lực của các học giả đã thu được một số thành công nhất định trong việc xem xét lại việc lên đồng, đưa ra được những cái nhìn tích cực về đạo Thánh Mẫu, nhưng đại bộ phận xã hội hiện nay vẫn nhìn nhận lên đồng là một hình thức mê tín dị đoan (Phạm Quỳnh Phương 2005: 265-288). Một số học giả như Lê Trung Vũ (2001: 18) cũng cho rằng lễ lên đồng, múa đồng và ca hát châu văn có thể coi là một hình thức nghệ thuật truyền thống nhưng nếu vượt qua giới hạn đó thì lễ lên đồng trở nên thiếu trong sáng, mơ hồ và mê tín dị đoan.

Những thái độ được thể hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng

Điều này được thể hiện rõ nét nhất thông qua các phóng sự của các nhà báo đăng trên các báo ra hàng ngày và hàng tuần, phổ biến rộng rãi đến công chúng. Sự thịnh hành của nghi lễ lên đồng trong xã hội đương đại Việt Nam hiện nay không thoát khỏi sự chú ý của họ và hàng loạt các bài báo đã xuất hiện gần đây (chẳng hạn như Hà Tâm 2004, Văn Phúc Hậu 2005, Ngọc Linh và Văn An 2005, Nguyễn Tuấn Thanh 2005). Điểm chung nhất trong các bài viết của họ với các đồng

nghiệp thời thuộc địa là họ đều tập trung nhấn mạnh vào những mặt tiêu cực của việc lên đồng. Ngọc Linh và Văn An (2005) đã chỉ ra rằng những đồng thầy thường có xuất phát điểm từ tầng lớp xã hội thấp nhưng không hề phải lo lắng đến đời sống vật chất nếu như họ có đủ con nhang để nuôi sống mình. Hơn nữa, tác giả bài báo còn chỉ trích các đồng thầy đã biến “một hoạt động văn hoá tín ngưỡng” thành một hoạt động kinh doanh để thu lời từ người dân mà hậu quả là nhiều người trở thành mất hết nhà cửa, tài sản. Quan điểm này được chứng thực bởi tác giả Nguyễn Tuấn Thanh (2005), người đã khẳng định rằng “người ta đua nhau đi tán lộc khiến cho bản danh sách của các đồng thầy ngày một dài hơn”. Theo tác giả, nhiều người phá sản do cố gắng chiêu lòng các ông bà đồng và đua nhau tổ chức các buổi hầu với chi phí “ít nhất” là 30 triệu đồng. Lễ lên đồng thường được miêu tả là rất hoang phí (chi phí do bài báo miêu tả là khoảng từ 5 triệu đến 300 triệu đồng) với các khoản chi phí cho khăn áo, lộc phát cho người dự, vàng mã đắt tiền để đốt, gửi đến thánh và thù lao cho cung văn (những người được miêu tả là “ngồi hát ăn bát vàng”, xem Văn Phúc Hậu 2006). Qua những bài viết này, người đọc dễ nhận thấy một bức tranh không hề khác so với những miêu tả thời thực dân.

Ngoài việc phê phán những “khía cạnh tiêu cực” của việc lên đồng, các nhà báo ít có cố gắng trong việc hiểu sâu hơn về hiện tượng này. Nguyễn Tuấn Thanh (2005) kết thúc phóng sự của mình bằng câu hỏi “có phải là hiện tượng lạ núp bóng tín ngưỡng hay căn bệnh tồn tại trong xã hội hiện đại?”. Ngọc Linh và Văn Anh (2005) ít nhất cũng đã hiểu rằng ngoài những mặt trái của nó,

hầu bóng có một “ý nghĩa văn hoá cổ truyền” và có thể có tác dụng trị liệu vì “mọi người cũng nên nhìn nhận thêm một khía cạnh giải tỏa stress của nó, trong cuộc sống hàng ngày vốn nhiều bức xúc”.

Đạo của người giàu?

Ở Hà Nội hiện nay, dường như số lượng người có đồng ngày một tăng lên. Đồng thời, sự thịnh hành của đạo cũng tạo điều kiện cho các dịch vụ hiện hành tăng thêm thu nhập. Các cửa hàng ở Hàng Quạt và Hàng Mã trưng bày rộng rãi các hàng hoá dùng cho việc lên đồng, thu nhập của các gia đình ở đó chủ yếu là từ việc sản xuất hàng mã (xem Nguyễn Thị Hiền 2006). Những người hát chầu văn, hầu dâng và thầy cúng chuyên cúng cho các buổi lễ lên đồng thì bận bịu, kín lịch với các buổi lễ, hầu đồng. Đôi khi họ phải tham dự vài buổi lễ một ngày. Hơn nữa, điều này càng thể hiện rõ nét đối với đồng bóng ở thành phố nơi mà sự giàu có về mặt kinh tế gần đây đã đặt ra các chuẩn mực mới trong việc tiến hành nghi lễ, chẳng hạn như vấn đề số lượng và chất lượng của lộc phát ra, đồ mã, khăn áo và đồ trang sức dùng để hầu. Nhiều người lên đồng đã ganh đua nhau trong việc thể hiện sự giàu có của mình trong các lễ hầu đồng. Một số người thậm chí còn phải vay nợ để gây ấn tượng đối với những người tham dự buổi lễ (xem Endres 2006; Larsson and Endres 2006). Chắc chắn các nhà báo đã không cường điệu ở khía cạnh này. Nhưng họ đã bỏ qua một thực tế rằng vấn đề này cũng bị chỉ trích rất nặng nề trong giới đồng bóng. Thầy Dương, một đồng thầy hơn 50 tuổi đã thể hiện sự bất bình của mình như sau:

"Thế nhưng bây giờ có những cái Đền tứ phủ tôi biết phải đi vay rất nhiều, để làm gì? Để đua, để đi đua. Thấy bạn sang một thì mình phải sang mười. Từ những cái chỗ ấy nó rất nguy hiểm dẫn đến cái chỗ bắt đầu, nó khủng hoảng đến kinh tế trong nhà [...] đi lên đồng về nhà lại bắt đầu đánh nhau với chồng với con toán loạn, xong rồi bây giờ mới thu lấy tiền lấy nông thục kết dẫn để lấy tiền để lên đồng, lên bóng rồi làm toán loạn cả ở bên ngoài. Thế là bắt đầu lung tung beng hết cả lên, từ cái chỗ lên đồng làm cho gia đình tan nát [...]. Thế nhiều người cứ tưởng, cứ quan niệm bây giờ phải đi lên đồng nhiều cơ thì mới nhiều tiền, có phải thế không? Tiền là ở cái sức lao động của mình, thế bây giờ lại cứ thế thì làm sao mà đúng đạo được, không thể đúng được" (phỏng vấn ngày 8/4/2005).

Với việc tăng số lượng con nhang, các đồng thầy trong thực tế có thể làm giàu hơn cho mình. Chi phí cho các buổi lễ và việc công đức của con nhang được chi dùng chủ yếu cho việc tu tạo và mở mang đền, điện. Trong một số trường hợp, nguồn thu này cũng được dùng để duy trì cuộc sống cho các đồng thầy và gia đình của họ. Vì vậy, các đồng thầy thường nhấn mạnh đến nhân cách, đạo đức của mình bằng sự coi khinh việc háms lợi vật chất, nhấn mạnh đến những cố gắng của họ trong việc giúp đỡ các thanh đồng nghèo khó trong việc chia sẻ bớt cho họ chi phí của các buổi hầu. Các con nhang thì thường cho rằng không có đồng thầy nào chỉ làm việc vì làm phúc nhưng một đồng thầy nếu lấy quá nhiều của con nhang sẽ bị cáo buộc là "buôn thần bán thánh" và điều đó sẽ tổn hại đáng kể đến thanh danh của người thầy đó (Larsson and Endres, 2006).

Quyết định việc mở phủ trình đồng thường liên quan đến những thời điểm khó khăn trong cuộc đời con người (Nguyễn Thị Hiền 2002). Đó là một trận ốm thập tử nhất sinh, thuốc thang không khỏi, sự đổ vỡ, những vạ hạn trong kinh doanh hay đời sống tình cảm, hoặc là sự xuất hiện các giấc mơ trong đó các vị thần linh hiện về báo mộng. Cần lưu ý rằng không phải ai cũng có thể ra trình đồng nếu thích mà điều này phụ thuộc vào việc người đó có "cần đồng" hay không. Khái niệm cơ bản là ở chỗ người có đồng đó nợ (các vị thánh) Tứ Phủ một cái nợ từ kiếp trước và họ chỉ có thể trả nợ bằng việc hầu thánh và trở thành một người theo đạo thánh. Sau khi mở phủ trình đồng, họ thường cảm thấy cuộc sống của họ thoải mái hơn. Hằng, một phụ nữ trẻ hơn 30 tuổi đã miêu tả về điều đó như sau:

"Hầu xong thì tất nhiên là mình thoải mái chứ, đầu óc nó thoải mái mà nói chung là mình có 1 cái gì đấy tự nhiên mình tin tưởng ý, mình thoải mái không còn phải lo hoặc suy nghĩ vào đấy. [...] Còn chẳng biết là sự việc nó xảy ra như thế nào thì mình không biết thế nhưng mà ví dụ như là như năm ngoái mình hầu chẳng hạn thì mình hầu xong một cái thì mấy hôm sập là mình có lộc chẳng hạn, ấy ví dụ mình buôn bán mình có một khoản lãi chẳng hạn. Đấy". (phỏng vấn ngày 8.2.2003).

Cùng một tâm trạng như vậy, Cường, một thanh niên trẻ sống ở một làng ven đô Hà Nội cũng miêu tả cảm giác tương tự như vậy sau khi mở phủ:

"[...] Sau khi đã trình đồng mở phủ rồi, sau khi đã theo thánh rồi thì cảm thấy là thanh thản lắm, cảm thấy nó vui vẻ lắm, nó

cảm thấy nhiều cái việc nó suôn sẻ hẳn ra. Thì là mình làm cái gì cũng được, mình đã có một cái tin tưởng vào bản thân mình. Đấy, thế là mình làm cái gì là mình cũng chắc chắn, lúc nào mình cũng vững tin. Đấy, mình không bị mơ hồ như trước nữa, thế mà sau đấy cũng thế thôi, tất cả các cái điều kiện, các cái hoàn cảnh mà mình nghĩ là, trước khi mở đồng mà mình nghĩ sắp sửa tan vỡ rồi thì tự nhiên lúc ấy lại: *Thuận buồm xuôi gió hết*". (phỏng vấn ngày 30.10.2002)

Tuy nhiên, cùng một lúc, các thanh đồng cũng cảm thấy một nghĩa vụ nặng nề là giữ dây họ phải có bốn phạn phục vụ thánh cho đến cuối đời bằng việc hầu thánh một năm ít nhất hai lễ lên đồng. Như đã đề cập ở trên, bốn phạn này được hiểu theo ý nghĩa kinh tế: một lễ mở phủ thường tốn từ 7 đến 10 triệu đồng, và mỗi lễ lên đồng thường tốn ít nhất khoảng 5 triệu đồng. Có thể thấy chi phí này tương đương với một nửa thu nhập bình quân một năm của một người Hà Nội (Tổng cục thống kê 2004: 86); đi theo đạo thánh trong thực tế có thể là một gánh nặng cho ngân sách chi tiêu của gia đình. Tuy nhiên, những người có đồng thường xem khoản chi cho việc lên đồng đó như là một sự đầu tư mang lại cho họ những lợi ích khác như mạnh khỏe, thành đạt trong kinh doanh và hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Hơn nữa, họ còn nhấn mạnh rằng việc "nhất tâm" với thánh còn quan trọng hơn việc dâng lên thánh những đồ lễ đắt tiền. Thấy Cảnh, một người tuổi xấp xỉ thầy Dương, có nhiều con nhang là những người có mức thu nhập khá khiêm tốn nghĩ rằng cái tâm của người hầu thánh quan trọng hơn là tiền bạc. Nhưng đồng thời, ông cho rằng chi phí cho việc lên

đồng được điều chỉnh một cách tự nhiên theo mức sống chung của cả xã hội:

"Nói chung là cái đồ lễ thì nó thay đổi theo cái mức của xã hội. [...] Cái đó [chi phí cho việc lên đồng] không phải là đua... Nó do cái tâm của con người ta hết. Như vậy con người ta không phải là nhiều tiền là tâm tốt, mình không bao giờ đánh giá như thế. Nhưng bây giờ mình chẳng hạn cho như là Mẫu, là các quan Thánh cứ như là bố mẹ mình ý, thì mình cũng phải sắm những cái quần áo đẹp, không ai đi lại mua cái quần áo xấu để cho bố mẹ mặc. Hay kể cả các vật ngon miếng lạ... để dâng Thánh... đấy là mình có sự tôn trọng mình cũng như là bố mẹ mình, đấy là cái tâm của con người ta đấy chứ không phải là nhiều tiền mà". (phỏng vấn ngày 24.3.2005)

Một người đồng thấy mẫu mực phải làm gương cho các con nhang của mình không chỉ trong việc tiến hành nghi lễ mà còn cả trong lối sống, đạo đức, tư cách (Larsson and Endres, 2006). Đồng thầy thường đòi hỏi con nhang của mình phải thực hiện đúng các quy định của nhóm mình bằng một câu châm ngôn "đi cơ cánh nào phải theo cơ cánh đấy" và trách nhiệm của đồng thầy, là phải giáo dục cho đệ tử của mình các quy định đó:

"Đi cơ nào cánh nào phải theo cơ cánh đấy. Cho nên người ta bảo *thầy làm sao con nhang làm vậy*, cho nên là thầy biết dạy những cái hẳn hoi thực tế thì con nhang cũng hẳn hoi thực tế, thầy mà nhớ nhãng thì tự dung con nhang cũng nhớ nhãng, thầy mà cứ đùa bậy bạ con nhang cũng bậy bạ luôn. Nó bảo thầy còn bậy nữa là chúng nó, cho nên là rất phải giữ tất cả các chuyện như thế để cho

làm sao mà nó được thế thì cũng là cái khó” (phỏng vấn ngày 24.3.2005)

Những đồng thầy lâu năm và có danh tiếng thường có vài trăm con nhang. Thầy Dương đã so sánh vai trò của một ông đồng thầy với người lái tàu. Nếu người đó không thực hiện công việc của mình cẩn thận sẽ có thể gây ra thảm họa khôn lường. Các đồng thầy thường nhận thức rằng công việc của họ là rất vất vả nhưng rất đáng tự hào vì họ có thể chứng kiến những thay đổi tích cực trong cuộc sống của các đệ tử của mình. Nhiều thanh đồng cho rằng họ cảm thấy không khí của nhóm con nhang trong một đền, điện hay cơ cánh của mình như là một gia đình và họ coi đồng thầy của mình không chỉ là thầy mà còn là bố mẹ của mình (Larsson and Endres, 2006). Hơn nữa, họ cảm thấy tôn trọng và biết ơn đồng thầy, đặc biệt nếu như họ cảm thấy những nghi lễ mà đồng thầy làm cho họ (có thể là lễ mở phủ hoặc là những lễ khác với mục đích kêu cầu thánh) có linh ứng, những vướng mắc trong cuộc sống của họ được giải quyết.

Kết luận

Với việc nhấn mạnh đến sự hào nhoáng, kỹ năng trình diễn và khả năng tiêu thụ dễ dàng nhận biết, lên đồng rõ ràng là một nghi thức tôn giáo mang tính sân khấu hấp dẫn nhất ở Việt Nam để các cá nhân thực hành nghi lễ thể hiện lòng kiêu hãnh cũng như khẳng định địa vị xã hội của mình. Những mặt tiêu cực của việc lên đồng này đã trở thành tâm điểm cho giới báo chí, văn học chỉ trích trong cả giai đoạn Pháp thuộc và sau Đổi Mới. Không thể phủ nhận được rằng cũng có những điều đúng trong sự phê phán, đánh giá của họ. Ngay cả những người lên

đồng cũng thường tự nhận thấy những mặt tiêu cực, hạn chế đã và đang diễn ra trong đạo. Bản thân họ cũng đang trông mong vào một quá trình "sàng lọc tự nhiên" để loại bỏ những mặt xấu, phát huy những mặt tốt đẹp của thánh đạo, đưa các con nhang đệ tử "đi đến bờ đến bến".

Tuy nhiên, đối với phần lớn những người theo đạo, khả năng chữa bệnh và giải toả những căng thẳng về mặt tâm lý của việc lên đồng lại là nguyên nhân quan trọng khiến họ quyết định việc hầu thánh. Những người có đồng cảm thấy họ có sức mạnh hơn trong việc giải quyết các vấn đề của mình bằng một cách nghe có vẻ là nghịch lý là tự nguyện mang thân mình phục tùng uy quyền của thánh. Dấn thân vào đạo thánh đường như mang lại cho người theo đạo một khung biểu tượng giúp họ kiểm soát cuộc sống riêng tư của mình tốt hơn. Việc thực hiện nghi lễ thường kỳ giúp cho người theo đạo hoá giải "căn cao số nặng" của họ, thể hiện qua những nỗi buồn phiền về mặt thể xác và tinh thần, sự kém may mắn, sự vất vả về mặt kinh tế, tính khí bất thường, hay sự thiếu tự tin trong cuộc sống. Nhờ đó, họ có thể định hướng lại thực tế đời sống của mình để trở nên dễ chịu hơn. Vì vậy, nghi lễ lên đồng đã thực sự tạo ra một chiến lược sáng tạo của con người trong việc giải quyết một loạt các vấn đề liên quan đến cá nhân họ từ việc đau ốm, những nỗi buồn về mặt tình cảm đến sự sợ hãi và tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống trong một thế giới hiện đại ngày càng khó hiểu hơn với những thay đổi về mặt giá trị, sự xung đột về mặt tư tưởng và sự tranh giành về mặt kinh tế.

Tài liệu tham khảo

Cadiere, Leopold. *Croyances et Pratiques Religieuses des Vietnamiens*. Saigon: Imprimerie Nouvelle d'Extreme Orient, 1958

Durand, Maurice. *Technique et Pantheon*

des Mediums Vietnamiens. Paris: Ecole Francaise D'Extreme-Orient, 1959

Endres, Kirsten W. (2006). Spirit Performance and the Ritual Construction of Personal Identity in

Modern Vietnam. In: Karen Fjelstad and Nguyen Thi Hien (eds): *Possessed by the Spirits: Mediumship in Contemporary Vietnamese Communities*. Ithaka, New York: Cornell University Press (SEAP Publications)

Endres, Kirsten W.. "Beautiful Customs,

Worthy Traditions: Changing State Discourse on the Role of Vietnamese Culture" *Internationales Asienforum*, 33,3-4 (2002): 303-322

Fjelstad, Karen and. Nguyen Thi Hien (eds): *Possessed by the Spirits: Mediumship in*

Contemporary Vietnamese Communities. Ithaka, New York: Cornell University Press (SEAP Publications)

General Statistical Office. *Result of the Survey on Households Living Standards 2002*. Hanoi: Statistical Publishing House, 2004 Hà Tâm (2004). Công Ty đồng cốt. Tuổi Trẻ Online, 5.6.2004,

<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=35953&ChannelID=126>,

accessed on 19.05.2006

Larsson, Viveca and Kirsten W. Endres (2006). "Children of the Spirits, Followers of a Master":

Spirit Mediums in Post-Renovation Vietnam. In: Karen Fjelstad and Nguyen Thi Hien

(eds): *Possessed by the Spirits: Mediumship in Contemporary Vietnamese Communities*.

Ithaka, New York: Cornell University Press (SEAP Publications)

Lộng Chương. *Hầu Thánh. Tiềm thuyết trào phúng*. Hanoi: NXB Hà Nội, 1990

Malarney, Shaun K. *Culture, Ritual, and Revolution in Vietnam*. New York, London: Routledge Curzon, 2002.

Marr, David G. 1981. *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945*. Berkeley: University of California Press.

Ngô Đức Thịnh (chủ biên). 1991. *Hát Văn*. Hà Nội: NXB Văn Hóa Dân Tộc.

Ngô Đức Thịnh (chủ biên). *Đạo Mẫu ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn Hóa - Thông Tin, 1996.

Ngô Đức Thịnh. "Hầu bóng as viewed from the angle of the performing arts". *Vietnamese Studies*, 131 (1999): 56-60

Ngo Duc Thinh. "Len dong: Spirits' Journeys". In *Vietnam: Journeys of Body, Mind, and Spirit* ed. by Nguyen Van Huy and Laurel Kendall. University of California Press, 2003

Ngô Đức Thịnh (chủ biên). *Đạo Mẫu và các Hình Thức Shaman Trong Các Tộc Người ở Việt Nam và Châu Á*. Hà Nội: NXB KHXH, 2004.

Ngô Tất Tố. *Tác Phẩm. Tập 2*. Hà Nội: Văn Học, 1977

Ngọc Linh và Văn Anh (2005). Hầu đồng dưới góc nhìn văn hoá. Tien Phong Online, 21.04.2005;

<http://www.tienphongonline.com.vn/Tianyong/Index.aspx?ArticleID=7281&ChannelID=7>, accessed on 13.06.2006

Nguyễn Kim Hiền. "Lên đồng, một sinh hoạt tâm linh mang tính trị liệu? [*Len dong, a spiritual practice bearing therapy features?*]" *Van Hoa Dan Gian* 4, 76 (2001): 69-78

Nguyen Thi Hien (2006). "A Bit of a Spirit Favor is Equal to a Load of Mundane Gifts": Votive Paper Offerings of Len Dong Rituals in Post-Renovation Vietnam. In: Karen Fjelstad and Nguyen Thi Hien (eds): *Possessed by the Spirits: Mediumship in Contemporary Vietnamese Communities*. Ithaca, New York: Cornell University Press (SEAP Publications)

Nguyen Thi Hien. *The Religion of the Four Palaces: Mediumship and Therapy in Viet Culture*, Ph.D. dissertation, Indiana University, 2002..

Nguyễn Thuận Thành (2005). Đồng tính, đồng cô & đồng bóng. Kinh Tế & Đô Thị Online;

<http://www.ktdt.com.vn/default.asp?thongtin=chitiet&id=35173>; accessed on 24.02.2006

Nguyen Van Huyen. *The Ancient Civilization of Vietnam*. Hanoi: The Gioi Publishers, 1995

Nhất Lang. 1952. *Đồng Bóng*. Hà Nội: Nhà In Lê-Cường, Norton, Barley. *Music and Possession in Vietnam*. Ph.D. thesis, University of London, SOAS, 2000.

Pham Quynh Phuong. "Hero and Deity. Empowerment and Contestation in the Veneration of Tran Hung Dao in Contemporary Vietnam". Ph.d. dissertation, La Trobe University, Australia, 2005

Phan Kế Bính. *Việt Nam Phong Tục*. Tp Hồ Chí Minh: NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, 1995

Thien Do. *Vietnamese Supernaturalism. Views from the Southern Region*. London and New York: RoutledgeCurzon, 2003

Văn Phúc Hận (2006). Nướng tiền cho đồng cô, đồng bóng. Saigon Giai Phong Online, 09.03.2006;

<http://www.sggp.org.vn/phongsudieutra/nam2006/thang3/106047>; accessed 13.06.2006

Vu, Tu Anh T. (2006) Worshipping the Mother Goddess: The Dao Mau Movement in Northern Vietnam. *Explorations in Southeast Asian Studies*, Vol. 6, No. 1, p. 27-44.

(Tiếp trang 70)

Dưới các góc độ khác nhau, cuốn sách khơi dậy trong chúng ta tình yêu vốn có đối với truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam nói chung, của văn hoá ẩm thực trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói riêng; cho chúng ta thấy được những đóng góp của ông cha ta để từ đó gìn giữ, kế thừa và phát huy nền văn hoá ẩm thực Việt Nam ngày càng phát triển phong phú và đa dạng hơn, nhất là trong xu hướng toàn cầu hoá như hiện nay. Cuốn sách cũng khẳng định văn hoá ẩm thực Việt Nam là của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam, bao gồm 54 tộc người anh em xây dựng nên từ bao đời nay.